TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LƯƠNG SƠN** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2023/QĐST-VDS
Ngày:12-01-2024
V/V: Hủy kết hôn trái PL

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN – TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Minh Thêu

Thư ký phiên họp: Bà Bùi Thị Bình – Thư ký TAND huyện Lương Sơn

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên họp: Bà Chu Thị Mai Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 296/2023/TLST-VDS ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc: yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2024/QĐST-VDS, ngày 03 tháng 01 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Quách Đình H, sinh năm 1978. Vắng mặt

- Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1978. Vắng mặt.

Đều trú tại: xóm Gò Mu, xã TC, huyện LS, tỉnh HB.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân xã TC, huyện LS, tỉnh HB.

Đại diện: bà Quách Phương Th – Công chức tư pháp xã. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tạ khai có trong hồ sơ việc dân sự, người yêu cầu là anh Quách Đình H và chị Nguyễn Thị S trình bày: Anh Quách Đình H và chị Nguyễn Thị S kết hôn ngày 17/12/1996 tại UBND xã TL (nay là xã TC), huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Tại thời điểm đăng ký

kết hôn anh H chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên đã khai tăng tuổi để đăng ký kết hôn. Thực tế anh H sinh ngày 20/7/1978 nhưng khi đi đăng ký kết hôn anh H lại khai sinh ngày 20/7/1977 để đủ điều kiện đăng ký kết hôn. UBND xã TC đã căn cứ vào lời khai của anh H để làm thủ tục đăng ký kết hôn và cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho anh H và chị S. Vì vậy năm sinh trong Giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyển số 01 ngày 17/12/1996 là ngày 20/7/1977 khác với ngày tháng năm sinh của anh Hòa trong căn cước công dân và các giấy tờ tùy thân khác. Do anh H khai không chính xác họ tên nên trong sổ cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 1996 quyển số 01 của UBND xã TC và Giấy chứng nhận kết hôn ghi tên: chồng là: Quách Ngọc H. Sau khi kết hôn anh H và chị S chung sống hạnh phúc đến nay đã sinh được hai con chung là cháu: Quách Đình H, sinh ngày 25/12/1997 và cháu Quách Huy Đ, sinh ngày 02/9/2004. Do năm sinh và tên đệm của anh H trong Giấy chứng nhận kết hôn không đúng với thực tế và không đúng với năm sinh trong Căn cước công dân và các giấy tờ tùy thân khác nên anh chị đã gặp khó khăn khi thực hiện các giao dịch dân sự. Do đó anh chị làm đơn yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị S đồng thời anh chị đề nghị Tòa án công nhận hôn nhận của anh chị là hợp pháp kể từ thời điểm anh H đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LS, tỉnh HB tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người yêu cầu anh Quách Đình H và chị Nguyễn Thị S đã tuân theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết việc dân sự: Áp dụng các Điều 149, 366, 370 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986; điểm a khoản 1 Điều 8; khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh Quách Đình H và

chị Nguyễn Thị S. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Quách Đình H và chị Nguyễn Thị S được xác lập kể từ ngày 21/7/1998.

- Lệ phí: Anh Quách Đình H và chị Nguyễn Thị S phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Anh Quách Đình H và chị Nguyễn Thị S có đăng ký kết hôn tại UBND xã xã TC, huyện LS, tỉnh HB nên Tòa án nhân dân huyện LS, tỉnh HB thụ lý đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Người yêu cầu là anh Quách Đình H và chị Nguyễn Thị S vắng mặt tại phiên họp và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên họp theo quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu:

2.1. Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật: Căn cứ nội dung đơn yêu cầu, lời trình bày của người yêu cầu và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ: Giấy chứng nhận kết hôn; các giấy tờ cá nhân của anh Quách Đình H; biên bản xác minh tại UBND xã TC thì có cơ sở xác định anh Quách Đình H, sinh ngày 20/7/1978. Tuy nhiên anh Hòa, chị Sáu đăng ký kết hôn ngày 17/12/1996 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyển số 01 của UBND xã TC, huyện LS, tỉnh HB. Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh Hòa mới 17 tuổi 4 tháng 27 ngày thiếu 01 tuổi 4 tháng 03 ngày mới đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật hôn nhân gia đình 1986 là: *"Nam từ 20 tuổi trở lên....."*, UBND xã TC, huyện LS, tỉnh HB thực hiện việc đăng ký kết hôn cho anh H và chị S là không đúng theo quy định tại Điều 5 Luật hôn nhân gia đình năm 1986.

Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh H và chị S về việc hủy kết hôn trái pháp luật theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số 01 ngày 17/12/1996 của UBND xã TC, huyện LS, tỉnh HB theo quy định tại Điều 8; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2 Về yêu cầu công nhận quân hệ hôn nhân từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật: Sau khi đăng ký kết hôn từ năm 1996 đến nay anh H và chị S chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn và có 02 con chung. Tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật thì anh H và chị S đã có đủ điều iện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh Hòa, chị Sáu đều yêu cầu Tòa án công nhận hôn nhân giữa anh chị kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn.

Xét thấy yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị S là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Do đó cần công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Quách Đình H và chị Nguyễn Thị S kể từ thời điểm anh Quách Đình H đủ tuổi kết hôn *"đủ 20 tuổi trở lên"* theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tức là ngày 21/7/1998.

[3] Lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Quách Đình H và chị Nguyễn Thị S phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định tại Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Anh Quách Đình H và chị Nguyễn Thị S có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; điểm a khoản 1 Điều 8, khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 4 Thông tư liên lịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành mộ số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 149; 370 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

các Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 2 Điều 39; Điều 367; Điều 371; Điều 372; Điều 376; Điều 377 và Điều 378 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của anh Quách Đình H và chị Nguyễn Thị S.

Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Quách Đình H và chị Nguyễn Thị S theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 14, quyển số 01 ngày 17/12/1996 của UBND xã Thanh Cao, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Quách Đình H, sinh ngày 20/7/1978 và chị Nguyễn Thị S, sinh ngày 01/01/1978 kể từ ngày 20/7/1998.

2. Về lệ phí: Anh Quách Đình H và chị Nguyễn Thị S phải nộp 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0001110 ngày 11/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Nay không phải nộp thêm nữa.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc ngày quyết định được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện LS;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Chi cục THADS huyện LS;
- UBND xã Thanh Cao;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Trần Minh Thêu